

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Kim Changbae	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Thành viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Thành viên
Ông Kim Jong Kwan	Thành viên
Ông Lee Yun Ki	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp chính thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2013



Handwritten signature in blue ink.

Số: 215 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 7 năm 2013, từ trang 4 đến trang 19. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Khác biệt trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty xác định mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 và các khoản phí phải thu phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn từ năm 2011 đến nay dựa trên việc đánh giá về mức độ tổn thất của các khoản nợ quá hạn thanh toán, nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 8%. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc: "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" do Bộ Tài chính ban hành thì số dự phòng cần trích bổ sung cho những khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là khoảng 4 tỷ đồng, các khoản phí phải thu phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn từ năm 2011 đến nay là khoảng 2,6 tỷ đồng và lỗ trong năm sẽ tăng lên tương ứng theo các khoản trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của khác biệt trong xử lý kế toán nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tên

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị lần lượt là khoảng 23 tỷ đồng và 11 tỷ đồng chủ yếu là hệ thống phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán và phần mềm quản lý khách hàng. Theo Ban Giám đốc Công ty, việc mua sắm và đầu tư này nằm trong chiến lược phát triển của Công ty từ khi thành lập đến nay. Doanh thu trực tiếp trong thời điểm hiện tại của Công ty từ các hệ thống chạy chỉ số nêu trên tuy còn thấp nhưng Ban Giám đốc Công ty đánh giá và kỳ vọng Công ty sẽ thu được nhiều lợi ích hơn so với giá trị đầu tư ban đầu và doanh thu sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng các tài sản cố định vô hình này sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai một cách tương ứng và hiệu quả so với khoản tiền đã thực hiện đầu tư mua sắm. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận tài sản cố định vô hình, chi phí khấu hao và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như hiện tại là phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến chúng tôi, việc ghi nhận tài sản vô hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang về các phần mềm nói trên phụ thuộc vào việc thu được lợi ích kinh tế thực tế diễn ra trong tương lai của các phần mềm này để có thể thu hồi vốn đầu tư ban đầu đúng như đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 7 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		107.219.194.350	106.490.580.521
I. Tiền	110	5	21.303.991.821	41.323.266.218
1. Tiền	111		21.303.991.821	41.323.266.218
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	69.198.494.230	46.911.618.161
1. Đầu tư ngắn hạn	121		69.198.494.230	46.911.618.161
III. Các khoản phải thu	130		13.376.652.123	16.105.181.249
1. Phải thu khách hàng	131		103.727.450	1.803.727.450
2. Trả trước cho người bán	132		3.045.111.960	4.400.564.521
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		8.868.432.804	9.058.981.103
4. Các khoản phải thu khác	138		1.690.776.504	1.173.304.770
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(331.396.595)	(331.396.595)
IV. Hàng tồn kho	140		249.515.141	249.515.141
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.090.541.035	1.900.999.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		291.940.148	13.757.115
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		143.752.908	114.119.014
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.654.847.979	1.773.123.623
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		38.182.536.152	34.835.485.526
I. Tài sản cố định	220		36.111.439.943	32.443.602.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	3.526.199.013	3.704.447.319
- Nguyên giá	222		6.891.320.926	6.891.320.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.365.121.913)	(3.186.873.607)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	21.479.477.791	18.756.211.877
- Nguyên giá	228		25.684.352.990	22.384.352.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.204.875.199)	(3.628.141.113)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		11.105.763.139	9.982.943.139
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		85.500.000	85.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		85.500.000	85.500.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.985.596.209	2.306.383.191
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.106.067.903	1.169.500.083
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		614.553.418	614.553.418
3. Tài sản dài hạn khác	268		264.974.888	522.329.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		145.401.730.502	141.326.066.047

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		11.656.185.237	5.241.659.938
I. Nợ ngắn hạn	310		11.656.185.237	5.241.659.938
1. Phải trả người bán	312		959.382.728	1.144.976.208
2. Người mua trả tiền trước	313		342.296.271	327.246.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		42.747.312	496.951.250
4. Phải trả người lao động	315		394.680.000	452.499.097
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.084.071.679	1.878.955.345
6. Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	320	9	6.761.585.782	826.877.247
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.071.421.465	114.154.520
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		133.745.545.265	136.084.406.109
I. Vốn chủ sở hữu	410		133.745.545.265	136.084.406.109
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10	(1.481.753.631)	857.107.213
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		145.401.730.502	141.326.066.047

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	30/6/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại	USD	173.701	173.614
Chứng khoán lưu ký	VND	145.937.710.000	147.755.590.000

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thu
Người lập bảng

Ngày 25 tháng 7 năm 2013

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	01/01/2013- 30/6/2013	01/01/2012- 30/6/2012
1. Doanh thu	01		3.469.909.257	5.798.425.054
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		358.821.575	552.862.439
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		13.382.800	134.865.460
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		30.960.000	386.964.545
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu khác	01.9		3.066.744.882	4.723.732.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		3.469.909.257	5.798.425.054
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		3.576.144.607	4.455.219.899
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(106.235.350)	1.343.205.155
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.245.424.956	2.467.697.697
7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(2.351.660.306)	(1.124.492.542)
8. Thu nhập khác	31		17.052.783	13.290.365
9. Chi phí khác	32		4.253.321	2.629.732
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.799.462	10.660.633
11. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.338.860.844)	(1.113.831.909)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11	-	-
13. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(2.338.860.844)	(1.113.831.909)

Nguyễn Thị Thu
Người lập bảng

Ngày 25 tháng 7 năm 2013

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2013- 30/6/2013	01/01/2012- 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
1. Lỗ trước thuế	01	(2.338.860.844)	(1.113.831.909)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	754.982.392	539.057.351
Các khoản dự phòng	03	-	(471.091.680)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.639.425.290)	(4.185.787.911)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.223.303.742)	(5.231.654.149)
Biến động các khoản phải thu	09	20.679.535.807	(7.072.725.381)
Biến động khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	6.414.525.299	16.885.930.082
Biến động chi phí trả trước	12	(214.750.853)	(105.747.301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(24.016.094)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	257.354.802	394.318.976.026
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(392.349.785.151)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>22.913.361.313</i>	<i>6.420.978.032</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.422.820.000)	(6.339.375.250)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(41.149.241.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.639.425.290	4.185.787.911
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(42.932.635.710)</i>	<i>(2.153.587.339)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	<i>(20.019.274.397)</i>	<i>4.267.390.693</i>
Tiền đầu năm	60	41.323.266.218	52.049.608.953
Tiền cuối năm	70	21.303.991.821	56.316.999.646

Nguyễn Thị Thu
Người lập bảng

Ngày 25 tháng 7 năm 2013

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2012	01/01/2013	Trong năm 2012	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		113.649.448	113.649.448	-	-	113.649.448	113.649.448
3. Quỹ dự phòng tài chính		113.649.448	113.649.448	-	-	113.649.448	113.649.448
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10	835.361.869	857.107.213	21.745.344	2.338.860.844	857.107.213	(1.481.753.631)



Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Thị Thu
Người lập bảng

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 39 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản tiền gửi của người đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng chỉ định thanh toán để thực hiện các giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm cả tổ chức và cá nhân.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc xác định mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 và các khoản phí phải thu phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn từ năm 2011 đến nay dựa trên việc đánh giá về mức độ tổn thất của các khoản nợ quá hạn thanh toán, nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đánh mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 8%. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc: “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” do Bộ Tài chính ban hành thì số dự phòng cần trích bổ sung cho những khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là khoảng 4 tỷ VND, các khoản phí phải thu phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn từ năm 2011 đến nay là khoảng 2,6 tỷ VND và lỗi trong năm sẽ tăng lên một khoản tương ứng. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi được các khoản công nợ này trong thời gian tới.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	01/01/2013 - 30/6/2013
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12 - 18
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	10 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và hệ thống tính chỉ số chứng khoán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm và hệ thống trên được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 20 năm.

Doanh thu*Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu phí môi giới của nhà đầu tư.

Doanh thu khác

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và phí nhận được từ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn, hợp đồng mua bán quyền tương lai có kỳ hạn, hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn, hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán, hợp đồng mua bán và mua bán lại cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có một khoản lỗ lũy kế được khấu trừ thuế. Giá trị khoản lỗ được khấu trừ thuế phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan thuế sau khi kiểm tra và được khấu trừ với thu nhập chịu thuế trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do sự không chắc chắn về khả năng thu được lợi nhuận của Công ty trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	293.667.567	149.916.901
Tiền gửi Ngân hàng	21.010.324.254	41.173.349.317
<u>Trong đó:</u>		
<i>Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>7.093.808.462</i>	<i>11.050.582.456</i>
<i>Tiền của Công ty</i>	<i>13.916.515.792</i>	<i>30.122.766.861</i>
	21.303.991.821	41.323.266.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các nghiệp vụ: mua bán chứng khoán, mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán, hợp tác đầu tư chứng khoán. Công ty ký kết với nhà đầu tư và thu phí của các hợp đồng đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn, mua bán quyền tương lai có kỳ hạn, mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn, hợp tác đầu tư chứng khoán, mua bán và mua bán lại cổ phiếu.

	<u>30/6/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về mua bán quyền tương lai có kỳ hạn	1.101.217.388	156.746.111
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về hoạt động chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn (i)	4.862.608.792	9.530.250.000
Đầu tư ngắn hạn của Công ty về mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn	18.012.000.000	14.584.500.000
Chứng khoán tự doanh	71.927.050	1.540.122.050
Tiền gửi có kỳ hạn	41.149.241.000	21.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn của công ty về hoạt động mua chứng khoán chưa niêm yết có kỳ hạn (i)	4.001.500.000	-
	<u>69.198.494.230</u>	<u>46.911.618.161</u>

- (i) Trong năm 2013, Công ty gia hạn các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có kỳ hạn đã ký đối với cổ phần của các công ty: Công ty Cổ phần Dòng sông xanh, Công ty Cổ phần Tản Đà, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt với tổng số tiền là: 4.862.608.792 VND và ký mới các hợp đồng đầu tư ngắn hạn mua bán chứng khoán chưa niêm yết (Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàm Long) có kỳ hạn với số tiền là 4.001.500.000 VND và đang được trình bày tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 dựa trên mệnh giá do không xác định được giá tham chiếu của các khoản đầu tư này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đã được đánh giá một cách thận trọng và không có khoản dự phòng nào phải trích lập cho các khoản đầu tư này.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u> VND	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Cộng</u> VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	665.302.316	5.784.352.420	441.666.190	6.891.320.926
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2013	<u>665.302.316</u>	<u>5.784.352.420</u>	<u>441.666.190</u>	<u>6.891.320.926</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	371.678.175	2.503.407.689	311.787.743	3.186.873.607
Khấu hao trong kỳ	10.560.678	151.437.666	16.249.962	178.248.306
Tại ngày 30/6/2013	<u>382.238.853</u>	<u>2.654.845.355</u>	<u>328.037.705</u>	<u>3.365.121.913</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	<u>283.063.463</u>	<u>3.129.507.065</u>	<u>113.628.485</u>	<u>3.526.199.013</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>293.624.141</u>	<u>3.280.944.731</u>	<u>129.878.447</u>	<u>3.704.447.319</u>

Handwritten signature and initials.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	22.384.352.990	22.384.352.990
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.300.000.000	3.300.000.000
Tại ngày 30/6/2013	25.684.352.990	25.684.352.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	3.628.141.113	3.628.141.113
Khấu hao trong kỳ	576.734.086	576.734.086
Tại ngày 30/6/2013	4.204.875.199	4.204.875.199
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/6/2013	21.479.477.791	21.479.477.791
Tại ngày 31/12/2012	18.756.211.877	18.756.211.877

Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị lần lượt là khoảng 23 tỷ VND và 11 tỷ VND chủ yếu là hệ thống phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán và phần mềm quản lý khách hàng. Theo Ban Giám đốc Công ty, việc mua sắm và đầu tư này nằm trong chiến lược phát triển của Công ty từ khi thành lập đến nay. Doanh thu trực tiếp trong thời điểm hiện tại của Công ty từ các hệ thống chạy chỉ số nêu trên tuy còn thấp nhưng Ban Giám đốc Công ty đánh giá và kỳ vọng Công ty sẽ thu được nhiều lợi ích hơn so với giá trị đầu tư ban đầu và doanh thu sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng các tài sản cố định vô hình này sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai một cách tương ứng và hiệu quả so với khoản tiền đã thực hiện đầu tư mua sắm. Theo đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận tài sản cố định vô hình, chi phí khấu hao và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như hiện tại là phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

9. PHẢI TRẢ VỀ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 số dư phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thấp hơn số dư tiền gửi của nhà đầu tư khoảng 10 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2012 Công ty đã hạch toán điều chỉnh ngược lại bút toán theo dõi nội bộ tổng số tiền 10,1 tỷ VND để thể hiện rõ nhu cầu thực tế của nhà đầu tư và số tiền thực có của các nhà đầu tư tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, đồng thời công ty thực hiện quản lý tài khoản tiền gửi tại ngân hàng của nhà đầu tư theo số tổng. Công ty đã điều chỉnh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Do đó, số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 không còn chênh lệch trọng yếu giữa khoản mục phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán và tiền gửi của nhà đầu tư.

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn điều lệ</u> đã góp VND	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2012	135.000.000.000	835.361.869
Lợi nhuận trong năm	-	21.745.344
Tại ngày 01/01/2013	135.000.000.000	857.107.213
Lỗ trong kỳ	-	(2.338.860.844)
Tại ngày 30/6/2013	135.000.000.000	(1.481.753.631)



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%
Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori	66.150.000.000	49,00%
Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6,30%
Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5,19%
Cá nhân khác	53.350.000.000	39,51%
	135.000.000.000	100,00%

11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	01/01/2013- 30/6/2013 VND	01/01/2012- 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	(2.338.860.844)	(1.113.831.909)
Thu nhập chịu thuế	(2.338.860.844)	(1.113.831.909)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

12. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	21.303.991.821	41.323.266.218
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	10.331.540.163	11.704.616.728
Tổng cộng	31.635.531.984	53.027.882.946
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	10.876.461.654	3.964.963.320
Tổng cộng	10.876.461.654	3.964.963.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.673.783.553	3.591.360.389

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	367.378.355	359.136.039

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



Handwritten signature and initials in blue ink.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2013			
Tiền	21.303.991.821	-	21.303.991.821
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	1.445.328.260	8.886.211.903	10.331.540.163
Tổng cộng	22.749.320.081	8.886.211.903	31.635.531.984
30/6/2013			
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	10.876.461.654	-	10.876.461.654
Tổng cộng	10.876.461.654	-	10.876.461.654
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.872.858.427	8.886.211.903	20.759.070.330
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền	41.323.266.218	-	41.323.266.218
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	7.601.098.817	4.103.517.911	11.704.616.728
Tổng cộng	48.924.365.035	4.103.517.911	53.027.882.946
31/12/2012			
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	3.964.963.320	-	3.964.963.320
Tổng cộng	3.964.963.320	-	3.964.963.320
Chênh lệch thanh khoản thuần	44.959.401.715	4.103.517.911	49.062.919.626

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

13. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG KỶ

CHỈ TIÊU	01/01/2013-30/6/2013	
	Khối lượng giao dịch (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch VND
Chứng khoán giao dịch của Công ty chứng khoán	-	-
Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư	18.679.452	177.796.615.200
	18.679.452	177.796.615.200

Handwritten signature/initials

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-CTCK

14. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
I. Chứng khoán thương mại	3.624	22.987	71.927.050	1.540.122.050	37.814.660	166.275.000	6.727.130	67.053.150	103.014.580	1.639.343.900
<i>Cổ phiếu</i>	3.624	22.987	71.927.050	1.540.122.050	37.814.660	166.275.000	6.727.130	67.053.150	103.014.580	1.639.343.900
REE	3.600	-	50.000.000	-	37.480.000	-	-	-	87.480.000	-
DHG	-	22.390	-	1.468.195.000	-	166.275.000	-	-	-	1.634.470.000
Cổ phiếu lẻ	24	597	21.927.050	71.927.050	334.660	-	6.727.130	67.053.150	15.534.580	4.873.900
II. Đầu tư góp vốn			85.500.000	85.500.000						
- Vốn góp liên doanh, liên kết			85.500.000	85.500.000						
III. Đầu tư tài chính khác			69.126.567.180	45.371.496.111						

Handwritten signature in blue ink.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.



Nguyễn Thị Thu
Người lập bảng

Ngày 25 tháng 7 năm 2013



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Vũ Đức Nghĩa
Tổng Giám đốc